

Bản án số: 78/2022/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Tuyết Mai

Bà Phạm Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Kim C, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 261 A9, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Bé Mi, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 65B7, tổ 6, Khu phố 4, phường K, thành phố B, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 26/01/2022

- Bị đơn:

1. Trần Thị H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

2. Trần Công Đ (L), sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C trình bày:

Bà có cho vợ chồng chị Trần Thị H, anh Trần Công Đ vay số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), cho vay làm 03 lần, lãi suất 1%/tháng. Cụ thể: Lần 1 ngày 07/3/2017 cho vay số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm. Lần 2 ngày 10/7/2018 cho vay số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm. Lần 3 ngày 25/5/2019 cho vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm. Chị H và anh Đ vay tiền mục đích là để mua đất. Cả 03 lần cho vay tiền, anh Đ đều

có viết giấy tay vay tiền và ký tên. Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía chị H và anh Đ chưa có trả vốn vay cho bà.

Bà Phạm Thị Kim C khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị H, anh Trần Công Đ phải liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2022.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2022, bị đơn anh Trần Công Đ trình bày:

Anh thừa nhận vợ chồng anh có vay tiền của chị Phạm Thị Kim C nhiều lần với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), vay không thời hạn, lãi suất 1%/tháng đóng lãi đầy đủ, anh có viết giấy nợ và ký tên. Mục đích vay là phát triển kinh tế gia đình gồm xây trang trại chăn nuôi heo, gà nhưng do lỗ nên không có khả năng chi trả. Hiện nay anh đang kêu bán đất để trả nợ. Do có 02 con nhỏ nên anh có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong các lần mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2022, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị thừa nhận vợ chồng chị có vay và còn nợ bà Phạm Thị Kim C số tiền vay chưa trả là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Chị là người hỏi vay, chồng chị là anh Đ viết giấy nợ và ký tên. Vay không thời hạn, mục đích vay là trang trải cuộc sống và chăn nuôi sản xuất phát triển kinh tế gia đình. Chị đồng ý cùng chồng là anh Đ trả nợ vay cho chị C bằng việc bán đất. Do chị đang bị tạm giam tại tạm giam công an tỉnh B nên chị có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị trong các lần mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng trong vụ án có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 467, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị C và anh Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền là 2.000.000.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bà Đinh Thị Bé M người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C, chị Trần Thị H, anh Trần Công Đ có đơn và cò yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2022, 07/9/2022 và ngày 19/9/2022 (Bút lục số 36, 46-47, 58). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, anh Đ và chị H là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C yêu cầu bị đơn chị Trần Thị H, anh Trần Công Đ phải trả số tiền nợ vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2022, 07/9/2022 bị đơn chị H và anh Đ hoàn toàn thừa nhận có vay tiền của bà C 03 lần số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và còn nợ đến nay, chưa trả. Lời khai thừa nhận này của chị H, anh Đ phù hợp với 03 giấy nợ (Giấy thỏa thuận mượn tiền) đề ngày 07/3/2017, 10/7/2018 và ngày 25/5/2019 (Bút lục số 06, 07, 08) phía nguyên đơn bà C cung cấp. Bị đơn anh Đ và chị H đã thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy nợ là của anh Trần Công Đ, phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà C không phải chứng minh. Số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) đến nay anh Đ và chị H chưa trả cho bà C là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463, 466, 467, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà C khởi kiện yêu cầu chị H và anh Đ phải trả số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà C không yêu cầu bị đơn anh Đ và chị H phải trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[3] Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị H, anh Trần Công Đ cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) của chị C được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh Đ. Chị H và anh Đ đều khai thống nhất là vay tiền để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình và đều sử dụng chung, đều biết số tiền vay này. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H và anh Đ cùng liên đới trả tiền nợ vay là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H và anh Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay nêu trên cho nguyên đơn bà C là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự trong vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị H và anh Đ phải liên đới chịu án phí là:

2.000.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 1.200.000.000 đồng) = 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 467, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C đòi chị Trần Thị H và anh Trần Công Đ (L) trả tiền nợ vay.

2. Buộc chị Trần Thị H và anh Trần Công Đ (L) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

3. Ghi nhận bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Trần Thị H và anh Trần Công Đ (L) phải liên đới chịu 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Kim C 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006124 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương